

KẾ HOẠCH

THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023 - 2024

Theo Thông tư số: 36/2017/TT-BGD&ĐT

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT- BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017, của Bộ tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính về bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ công văn số 1148/SGDDĐT-TTr ngày 06/08/2021 của Sở GD-ĐT Nam Định về việc tăng cường công tác công khai trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ công văn số 710/PGD ĐT-KTr ngày 04/10/2022 của Phòng GD-ĐT Nam Định về việc tăng cường công tác công khai trong cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Nam Định;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 Trường mầm non Thống Nhất xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Thực hiện công khai để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục

2. Yêu cầu:

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.

Thông tin được công khai tại của nhà trường phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

II. NỘI DUNG

1. Các nội dung công khai: Với mục tiêu thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để cơ quan quản lý, phụ huynh, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật;

A. Công khai “Cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế” và điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo qui định tại thông thư 36

** Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế*

a) Cam kết chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển; các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thực tế: số trẻ em/nhóm, lớp; số trẻ em học nhóm, lớp ghép; số trẻ em học hai buổi/ngày; số trẻ em khuyết tật học hòa nhập; số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; số trẻ em được kiểm tra sức khỏe định kỳ; kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em; số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

+ *Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia*

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng để duy trì trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2020-2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số Số 2552/QĐ – UBND, ngày 18/11/2019

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia để được cấp có thẩm quyền công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2025-2030.

+ *Kết quả xây dựng trường đạt Chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian:*

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt Chuẩn mức độ	Ghi chú
1	2014	Số 2663/QĐ – UBND, ngày 31/12/2014 của UBND Tỉnh Nam Định	2015-2020	Bằng công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2	
2	2019	Số 2552/QĐ – UBND, ngày 18/11/2019 của chủ tịch UBND Tỉnh ND	2020-2025	Bằng công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2	

d) Kiểm định cơ sở giáo dục mầm non: công khai kết quả kiểm định trường chuẩn quốc gia và mức đánh giá chất lượng giáo dục. Nhà trường tiến hành công khai kế hoạch tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá theo kiểm định chất lượng GD cấp độ III, chuẩn quốc gia mức độ 2, trường Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn hàng năm.

- Kết quả xây dựng trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục qua các mốc thời gian:

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt Kiểm định chất lượng cấp độ	Ghi chú
1	2019	Số 2262/QĐ- SGDĐT, ngày 15/11/2019 của Sở GD & ĐT	2015-2020	Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3	

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng để duy trì trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 giai đoạn 2020-2025 đã được Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nam Định công nhận tại Quyết định số 2262/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2019

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt Kiểm định chất lượng để được cấp có thẩm quyền công nhận lại trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 giai đoạn 2025-2030.

*** Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:**

a) Cơ sở vật chất: diện tích đất, sân chơi, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng, diện tích các loại phòng học và phòng chức năng, tính bình quân trên một trẻ em; số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định; số lượng đồ chơi ngoài trời, tính bình quân trên một nhóm hoặc lớp (Theo Biểu mẫu 03).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 04).

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

+ Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trong năm học và 2 năm tiếp theo như sau:

Năm học	Số lượng		Hình thức	Nội dung	Trình độ	Thời gian	Ghi chú
2023-2024	Cán bộ quản lý	03	BDTX	Đào tạo, bồi dưỡng về quản lý	Chứng nhận	BDTX theo kế hoạch	Căn cứ vào kế hoạch, chương trình, thời
	Giáo viên	36	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao kỹ năng chuyên môn	Chứng nhận		
	Nhân viên	10	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao kỹ	Chứng nhận		

	DD			năng chuyên môn			gian học để bố trí, sắp xếp công tác cho phù hợp
2024-2025	Cán bộ quản lý	03	BDTX	Đào tạo, bồi dưỡng về quản lý	Chứng nhận	BDTX theo kế hoạch	
	Giáo viên	36	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao kỹ năng chuyên môn	Chứng nhận		
	Nhân viên DD	10	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao kỹ năng chuyên môn	Chứng nhận		
2025-2026	Cán bộ quản lý	03	BDTX	Đào tạo, bồi dưỡng về quản lý	Chứng nhận	BDTX theo kế hoạch	
	Giáo viên	36	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao kỹ năng chuyên môn	Chứng nhận		
	Nhân viên DD	10	BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao kỹ năng chuyên môn	Chứng nhận		

B. Công khai “Thu chi tài chính” và “Quản lý tài sản” theo qui định tại thông tư 36, thông tư 61, thông tu 90, thông tư 16...

*** Công khai nội dung Thu chi Tài chính**

a) Tình hình tài chính của nhà trường:

Thực hiện công khai các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính, quản lý tài sản theo qui định tại Thông tư số 36/2017/TT- BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính, thông tư số: 90/2018/TT-BTC, thông tư số: 16/2018/TT-BGDĐT, thông tư số: 19/2005/TT-BTC

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

+ *Học phí*: là khoản đóng góp theo nghĩa vụ, tạm thực hiện theo quy định tại Công văn số 1629/SGDDĐT-KHTC ngày 15/9/2023 của Sở giáo dục- Đào tạo về việc hướng dẫn tạm thời quản lý thu, chi học phí đối với cơ sở giáo dục do tỉnh quản lý năm học 2023-2024; với mức thu tại vùng thành thị là 300.000 đồng/học sinh/tháng, thu theo số tháng thực học. Nếu mức thu có thay đổi theo các Văn bản mới thì nhà trường sẽ thông báo công khai kịp thời tới đội ngũ giáo viên, nhân viên, người học và gia đình người học.

+ *Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục*: tạm thực hiện theo hướng dẫn, quy định tại các công văn sau:

Căn cứ NQ17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 quy định các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động GD trong các cơ sở GD công lập do Tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Công văn số 1628/SGDDĐT-KHTC ngày 15/9/2023 của Sở giáo dục-Đào tạo về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 636/PGDDĐT-KHTC ngày 20/9/2023 của Phòng giáo dục-Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quản lý thu, chi đối với cơ sở giáo dục công lập do thành phố quản lý năm học 2023-2024;

STT	Tên khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Mức thu theo công văn hướng dẫn	Mức thu theo thỏa thuận	Ghi chú
1	Trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe máy	Xe đạp: 10.000 đồng/tháng Xe đạp điện: 20.000 đồng/tháng Xe máy: 30.000 đồng/tháng	Xe đạp: 10.000 đồng/tháng Xe đạp điện: 20.000 đồng/tháng Xe máy: 30.000 đồng/tháng	Thu không quá 10 tháng/ năm học
2	Nước uống cho học	Không vượt quá mức tối đa là: 10.000	8.000 đồng/tháng	Thu không quá 10

	sinh	đồng/tháng		tháng/ năm học
3	Chăm sóc trẻ ngày thứ bảy và trong thời gian nghỉ hè	Không vượt quá mức tối đa là: 30.000 đồng/trẻ/ngày	25.000 đồng/ngày	Thu theo số ngày thực tế học
4	Đạy kỹ năng sống	Không vượt quá mức tối đa là: 5.000đồng/ tiết		Chưa thực hiện
5	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	Không vượt quá mức tối đa là: 18.000 đồng/tháng	17.000 đồng/tháng	Thu không quá 10 tháng/năm học
6	Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú	Không vượt quá mức tối đa là: 100.000 đồng/tháng	80.000-90.000 đồng/tháng	Thu theo số tháng thực học của học sinh
7	Tiền quản lý, chăm sóc trẻ (học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính	Không vượt quá mức tối đa là: 6.000 đồng/ngày/ trẻ	6.000 đồng/ngày/ trẻ	Thu theo số ngày thực tế học
8	Tiền ăn bán trú	Xây dựng bảng thực đơn cụ thể và đảm bảo lượng chất dinh dưỡng cho từng độ tuổi, xây dựng kế hoạch thu, chi đảm bảo thu đủ chi và sự thống nhất thoả thuận tự nguyện, dân	Xây dựng bảng thực đơn cụ thể và đảm bảo lượng chất dinh dưỡng cho từng độ tuổi, xây dựng kế hoạch thu, chi đảm bảo thu đủ chi và sự thống nhất thoả thuận tự nguyện, dân	Thu theo ngày thực tế trẻ, học sinh ăn bán trú

		chủ và công khai giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để quy định mức ăn cụ thể bao gồm tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn; chất đốt ...)	chủ và công khai giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để quy định mức ăn cụ thể (dự kiến là: 26.000đồng/ngày. Trẻ MG là: 01 bữa chính, 01 bữa phụ, Trẻ NT là: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; bao gồm tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn là: 24.500 đồng; chất đốt là: 1.500 đồng;)	
9	Đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú nhà trẻ, mẫu giáo và các cấp học mua mới, mua bổ sung (chăn, gối, đệm, giát giường, tiền mua dụng cụ nhà bếp ăn bán trú...)		Nhà trường thoả thuận với cha mẹ học sinh để thực hiện theo nguyên tắc thu đủ chi (dự kiến là: khoảng 300.000 đồng/trẻ (học sinh) lần đầu tham gia ăn bán trú.	Thực hiện theo năm học, thu thực tế theo trẻ (học sinh) lần đầu nhập học tại trường có tham gia ăn bán trú

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

e) Công khai thực đơn, số lượng suất ăn, số lượng lương thực, thực phẩm, gia vị... đã sử dụng và số tiền tương ứng; công khai tài chính (*Thực hiện công khai theo chỉ đạo, yêu cầu về nuôi ăn bán trú đối với cấp học MN, TH của cấp có thẩm quyền*)

*** Công khai nội dung Quản lý tài sản**

Thực hiện nghiêm túc việc công khai các nội dung về quản lý tài sản theo luật quản lý tài sản công và nghị định 151/2017NĐ-CP ngày 26/12/2017, thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính

C. Công khai “theo yêu cầu của Quy chế dân chủ” theo quy định tại thông tư 11...

Công khai Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động của cơ sở giáo dục

Công khai các nội quy, quy chế của nhà trường trong năm học

Công khai Kế hoạch năm học, chiến lược định hướng phát triển của nhà trường năm học 2023 -2024

Công khai kế hoạch tuyển sinh theo năm học 2023-2024, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động; việc đánh giá, xếp loại, hợp đồng làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc.

Công khai các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ sở giáo dục đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật

Công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nhà trường.

Công khai kết quả tiếp thu ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của hiệu trưởng đưa ra lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động.

Công khai văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ sở giáo dục

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục.

D. Công khai “theo Luật phòng, chống tham nhũng”

Công khai bản kê khai tài sản thu nhập cá nhân của người có nghĩa vụ kê khai theo qui định của pháp luật

Thực hiện các nội dung công khai theo qui định tại Luật Phòng chống Tham nhũng.

2. Về hình thức và thời điểm công khai :

Thực hiện nghiêm túc việc thực hiện các nội dung công khai theo đúng thời gian qui định theo Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD-ĐT như sau:

* Hình thức: Có thể sử dụng 1 hoặc nhiều hình thức công khai như:

Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ <http://mnthongnhat.namdinh.edu.vn/> vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Niêm yết công khai tại bảng tuyên truyền của nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Đối với nội dung về Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo ngoài việc thực hiện công khai theo trên bảng tuyên truyền nhà trường còn thực hiện công khai, phổ biến trong cuộc họp cha mẹ trẻ trong năm học.

* Thời điểm công khai: Tháng 6 hàng năm theo qui định tại Thông tư 36 và các thời điểm khi có sự thay đổi về các số liệu trong các biểu mẫu công khai.

- Tháng 9/2023: Công khai cam kết chất lượng GD, thông tin về CSVC, thông tin về đội ngũ của nhà trường

- Tháng 9 hoặc tháng 10/2023 (sau khi họp phụ huynh toàn trường): Công khai các khoản thu trong năm học 2023-2024 và cập nhật bổ sung khi có sự thay đổi về đội ngũ, cơ sở vật chất....

- Tháng 10/2023 công khai trẻ diện chính sách (sau khi hoàn thiện hồ sơ và được duyệt)

- Tháng 1/2024: Công khai Dự toán ngân sách giao năm 2024 và quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023.

- Tháng 4/2024: Công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi NSNN Quý I/2023

- Tháng 6/2024:

+ Công khai chất lượng giáo dục thực tế.

+ Công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi NSNN Quý II/2024 và 6 tháng đầu năm 2024.

+ Công khai số liệu thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2023 đã được phê duyệt.

+ Công khai Quyết toán thu chi các khoản thu dịch vụ phụ vụ, hỗ trợ hoạt động dạy học.

- Cập nhật khi có sự thay đổi nội dung liên quan.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai cấp trường gồm các thành viên sau:

- | | | |
|---------------------------|----------------------------------|-------------------|
| 1. Đ/c Vũ Thị Thu Thủy | - Hiệu trưởng – BT chi bộ | - Trưởng ban |
| 2. Đ/c Đinh Thị Thu Trang | - Phó hiệu trưởng – P. Bí thư CB | - Phó ban TT |
| 3. Đ/c Đỗ Thị Thu Quyên | - Phó hiệu trưởng - CTCĐ | - Phó ban |
| 4. Đ/c Đỗ Thị Thu Hà | - TTCM 5 tuổi – Trưởng BTTND | - Ủy viên |
| 5. Đ/c Đoàn Thị Minh Thảo | - TTCM khối MG 3 tuổi | - Ủy viên |
| 6. Đ/c Nguyễn Thị Nguyệt | - TTCM khối NT | - Ủy viên |
| 7. Đ/c Phạm Thị Xoan | - TPCM 4 tuổi | - Ủy viên |
| 8. Đ/c Trần Thị Lành | - Kế toán | - Ủy viên |
| 9. Đ/c Mai Thị Kim Ngân | - TPCM – Bí thư CĐ | - Ủy viên -Thư ký |

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định

- Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Phòng giáo dục trước 30 tháng 9 hằng năm.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của cấp trên.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục và đào tạo.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Thông qua Hội nghị nhà giáo – CBQL – người lao động đầu năm học:

+ GV đăng ký chất lượng CS – GD trẻ và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ, kế hoạch bồi dưỡng GV, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ GV và HS.

- Tổng hợp kết quả CS- GD trẻ vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.

- Thực hiện đánh giá phân loại GV hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai của trường Mầm non Thống Nhất năm học 2023 – 2024 đề nghị các thành viên trong Hội đồng sư phạm nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT

- Thành viên BCD;

- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Thu Thủy

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường
theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2023 - 2024**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”

Căn cứ công văn số 1148/SGDDĐT-TTr ngày 06/08/2021 của Sở GD-ĐT Nam Định về việc tăng cường công tác công khai trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ công văn số 710/PGDĐT-KTr ngày 04/10/2022 của Phòng GD-ĐT Nam Định về việc tăng cường công tác công khai trong cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Nam Định;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường;

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường năm học 2023 - 2024 theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT gồm các ông (bà) có tên sau:

- | | | |
|---------------------------|----------------------------------|--------------------|
| 1. Đ/c Vũ Thị Thu Thủy | - Hiệu trưởng – BT chi bộ | - Trưởng ban |
| 2. Đ/c Đinh Thị Thu Trang | - Phó hiệu trưởng – P. Bí thư CB | - Phó ban TT |
| 3. Đ/c Đỗ Thị Thu Quyên | - Phó hiệu trưởng - CTCĐ | - Phó ban |
| 4. Đ/c Đỗ Thị Thu Hà | - TTCM 5 tuổi – Trưởng BTTND | - Ủy viên |
| 5. Đ/c Đoàn Thị Minh Thảo | - TTCM khối MG 3 tuổi | - Ủy viên |
| 6. Đ/c Nguyễn Thị Nguyệt | - TTCM khối NT | - Ủy viên |
| 7. Đ/c Phạm Thị Xoan | - TPCM 4 tuổi - UBKT CĐ | - Ủy viên |
| 8. Đ/c Trần Thị Lành | - Kế toán | - Ủy viên |
| 9. Đ/c Mai Thị Kim Ngân | - TPCM – Bí thư CĐ | - Ủy viên - Thư ký |

Điều 2: Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ, chính xác các nội dung và tiến hành công khai theo đúng quy định của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ của các thành viên do Trưởng ban phân công.

Điều 3: Các bộ phận văn phòng, chuyên môn, GVCN các lớp và các ông (bà) có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT
- Thành viên BCD;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Thu Thủy

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

**Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai
trong nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT**

Căn cứ Quyết định số 16 /QĐ-MNTN, ngày 18/09/2023 của Hiệu trưởng trường MN Thống Nhất về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai trong nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo như sau:

1. Bà Vũ Thị Thu Thủy - Hiệu trưởng – Trưởng ban: Chỉ đạo điều hành tổ chức triển khai Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT đến tất cả toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường và cha mẹ học sinh. Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Bà Đỗ Thị Thu Quyên - Phó hiệu trưởng - CTCD - Phó ban: Cùng với hiệu trưởng chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, của đơn vị, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 1, 2, 3, tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, động viên, giám sát, đôn đốc các hoạt động công khai của đơn vị, thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

3. Bà Đinh Thị Thu Trang - Phó hiệu trưởng: Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, bộ phận kê khai thông báo trên các báo cáo, biểu mẫu trung thực, chính xác, tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân công lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; Kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

4. Bà Đoàn Thị Minh Thảo - TTCM: Thực hiện việc dán công khai niêm yết, và báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

5. Bà Mai Thị Kim Ngân - Bí thư Chi đoàn (Thư ký): Tổng hợp thông tin báo cáo, các biểu mẫu kê khai, nhập dữ liệu trên máy vào các biểu mẫu báo cáo, ghi

chép biên bản các cuộc họp Ban chỉ đạo và Hội đồng sư phạm, giúp Trưởng ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Quy chế công khai.

6. Bà Trần Thị Lành: Quyết toán thu - chi theo quy định, lưu giữ chứng từ tài chính khoa học để phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi được yêu cầu, thực hiện việc công khai thu chi tài chính theo quy định.

7. Bà Đỗ Thị Thu Hà - TTCM: Thực hiện việc dán công khai niêm yết, và báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

8. Bà Nguyễn Thị Nguyệt – TTCM: Thực hiện việc dán công khai niêm yết, và báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

9. Bà Phạm Thị Xoan – TPCM – UBKT công đoàn: Thực hiện việc dán công khai niêm yết, và báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục nhà trường.

Yêu cầu các thành viên trong Ban Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; chủ động liên hệ, trao đổi giữa các thành viên trong Ban Chỉ đạo, xin ý kiến của đồng chí Trưởng ban để thống nhất nội dung công việc nhằm thực hiện tốt Quy chế công khai trong nhà trường đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Các thành viên BCD (t/h)
- Lưu VT

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Thu Thủy

PHÒNG GD - ĐT THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi - Xây dựng Thực đơn hàng ngày thay đổi theo tuần, theo mùa - 100% trẻ được khám sức khỏe định kì và theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao - 100% trẻ có chiều cao và cân nặng phát triển bình thường 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi - Xây dựng Thực đơn hàng ngày thay đổi theo tuần, theo mùa - 100% trẻ được khám sức khỏe định kì và theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao - 100% trẻ có chiều cao và cân nặng phát triển bình thường
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	<p>Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TTGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục tiếp cận và Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori và phương pháp GD STEM trong CS – GD trẻ 	<p>Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TTGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori và phương pháp GD STEM trong CS – GD trẻ
III	Kết quả đạt được	- 98-100% đạt theo yêu	- 98-100% đạt theo yêu cầu

	trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	cầu độ tuổi ở 4 lĩnh vực phát triển	độ tuổi ở 5 lĩnh vực phát triển
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm, và khám phá cho trẻ	- Thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dã ngoại và khám phá cho trẻ - Tổ chức các hoạt động phát triển và hình thành kĩ năng sống

TP. Nam Định, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Thu Thủy

PHÒNG GD - ĐT THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	679			33	154	236	256
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	679			33	154	236	256
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	679			33	154	236	256
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	679			33	154	236	256
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	679			33	154	236	256
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	<i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>	679			33	154	236	256
2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>							
3	<i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>	679			33	154	236	256
4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>							
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>				0	0	0	0

VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	679			33	154	236	256
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	33			33			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	646				154	236	256

Tp. Nam Định, ngày 18 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Thu Thủy

Biểu mẫu 03**PHÒNG GD - ĐT THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non****Năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	2
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2782	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1641	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	864	1.2 m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	194	0.3m ²
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	299	0.69m ²
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	48.7	Sử dụng chung
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	111	Sử dụng chung
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	165	0.2m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18	Số bộ 18/18 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	18	Số bộ 18/18 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	17	Số bộ 17 / 2 sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số)	22 máy in 1 máy chiếu	

	v.v...)	19 tivi 02 loa kéo 12 đàn organ	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		18		0.3 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

TP. Nam Định, ngày 18 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Thu Thủy

	viên kế toán																	
3	Thủ quỹ	0																
4	Nhân viên y tế	0																
5	Nhân viên khác (nhân viên dinh dưỡng và bảo vệ)	20																
..	..																	

TP. Nam Định, ngày 18 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Thu Thủy

**PHÒNG GD - ĐT THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT**

**KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA VÀ KẾT QUẢ
ĐẠT ĐƯỢC QUA CÁC MỐC THỜI GIAN**

1. Kết quả xây dựng trường đạt Chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian:

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt Chuẩn mức độ	Ghi chú
1	2014	Số 2663/QĐ – UBND, ngày 31/12/2014 của UBND Tỉnh Nam Định	2015-2020	Bằng công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2	Năm học 2014-2015
2	2019	Số 2552/QĐ – UBND, ngày 18/11/2019 của chủ tịch UBND Tỉnh ND	2020-2025	Bằng công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2	Năm học 2019-2020

2. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng để duy trì trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2020-2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tại Quyết định số Số 2552/QĐ – UBND, ngày 18/11/2019

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia để được cấp có thẩm quyền công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2025-2030.

TP. Nam Định, ngày 18 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Thu Thủy

PHÒNG GD - ĐT THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT

KẾ HOẠCH

**KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA
CÁC MỐC THỜI GIAN NĂM HỌC 2023-2024**

Nhà trường thực hiện công khai kế hoạch tự đánh giá và báo cáo tự đánh giá theo kiểm định chất lượng GD cấp độ III, chuẩn quốc gia mức độ 2, trường Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn.

- Thực hiện công khai báo cáo tự đánh giá của Hội đồng tự đánh giá Trường Mầm non Thống Nhất năm học 2022 - 2023 tại Báo cáo số 12/BC-MNTN ngày 15/06/2023 (có Báo cáo đính kèm);

- Kết quả xây dựng trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục qua các mốc thời gian:

STT	Năm được công nhận	Quyết định công nhận	Giai đoạn	Được công nhận đạt Kiểm định chất lượng cấp độ	Ghi chú
1	2019	Số 2262/QĐ- SGDĐT, ngày 15/11/2019 của Sở GD & ĐT	2015-2020	Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3	

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng để duy trì trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 giai đoạn 2020-2025 đã được Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nam Định công nhận tại Quyết định số 2262/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2019

- Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng trường đạt Kiểm định chất lượng để được cấp có thẩm quyền công nhận lại trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 giai đoạn 2025-2030.

TP. Nam Định, ngày 18 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Thu Thủy

PHÒNG GD - ĐT THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT

THÔNG BÁO

MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2023-2024

VÀ DỰ KIẾN 2 NĂM HỌC TIẾP THEO

I. Mức thu năm học 2023-2024:

Học phí: là khoản đóng góp theo nghĩa vụ, tạm thực hiện theo quy định tại Công văn số 1629/SGDDĐT-KHTC ngày 15/9/2023 của Sở giáo dục- Đào tạo về việc hướng dẫn tạm thời quản lý thu, chi học phí đối với cơ sở giáo dục do tỉnh quản lý năm học 2023-2024; với mức thu tại Trường mầm non Thống Nhất – Tp Nam Định là 300.000 đồng/học sinh/tháng, thu theo số tháng thực học và thực hiện miễn giảm theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021. Nếu mức thu có thay đổi theo các Văn bản mới thì nhà trường sẽ thông báo công khai kịp thời tới đội ngũ giáo viên, nhân viên, người học và gia đình người học.

II. Dự kiến mức thu năm học 2024-2025 và 2025-2026:

Tương tự mức thu như năm học 2023 - 2024. Khi có sự thay đổi, phát sinh (về đầu mục, nội dung, mức thu) so với năm học trước liền kề theo các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, nhà trường sẽ cập nhật kịp thời, thông báo tới cha mẹ học sinh về mức thu học phí, thống nhất tổ chức thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích sau khi có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên

- Dự kiến mức thu học phí:

+ Năm học 2024-2025: 300.000đ/trẻ/tháng và thu định kì hàng tháng theo số tháng thực học.

+ Năm học 2025-2026: 300.000đ/trẻ/tháng và thu định kì hàng tháng theo số tháng thực học.

TP. Nam Định, ngày 18 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Lưu Thủy

PHÒNG GD - ĐT THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT

THÔNG BÁO
MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024
VÀ DỰ KIẾN 2 NĂM HỌC TIẾP THEO

I. Các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục: tạm thực hiện theo hướng dẫn, quy định tại các công văn sau:

Căn cứ NQ17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 quy định các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động GD trong các cơ sở GD công lập do Tỉnh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ công văn số Theo công văn số 1628/SGDĐT-KHTC ngày 15/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2023-2024;

Căn cứ Văn bản số 636/PGDĐT-KHTC ngày 20/09/2023 của Phòng GD&ĐT TP Nam Định về việc Hướng dẫn thực hiện quản lý thu chi đối với cơ sở giáo dục công lập do thành phố quản lý năm học 2023-2024;

Căn cứ vào biên bản họp trụ bị Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường năm học 2023 – 2024 ngày 20/09/2023, biên bản họp phụ huynh các lớp đầu năm học 2023 – 2024 ngày 23/09/2023; biên bản họp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường năm học 2023 – 2024 ngày 24/09/2023;

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường. Trường mầm non Thống Nhất đã trình cơ quan quản lý cấp trên cho phép nhà trường thực hiện thu các khoản trong năm học 2023 – 2024 như sau:

STT	Tên khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Mức thu theo công văn hướng dẫn	Mức thu theo thỏa thuận	Ghi chú
1	Trông giữ	Xe đạp: 10.000	Xe đạp: 10.000	Thu không

	xe đạp, xe đạp điện, xe máy	đồng/tháng Xe đạp điện: 20.000 đồng/tháng Xe máy: 30.000 đồng/tháng	đồng/tháng Xe đạp điện: 20.000 đồng/tháng Xe máy: 30.000 đồng/tháng	quá 10 tháng/ năm học
2	Nước uống cho học sinh	Không vượt quá mức tối đa là: 10.000 đồng/tháng	8.000 đồng/tháng	Thu không quá 10 tháng/ năm học
3	Chăm sóc trẻ ngày thứ bảy và trong thời gian nghỉ hè	Không vượt quá mức tối đa là: 30.000 đồng/trẻ/ngày	25.000 đồng/ngày	Thu theo số ngày thực tế học
4	Dạy kỹ năng sống	Không vượt quá mức tối đa là: 5.000đồng/ tiết		Chưa thực hiện
5	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	Không vượt quá mức tối đa là: 18.000 đồng/tháng	17.000 đồng/tháng	Thu không quá 10 tháng/năm học
6	Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú	Không vượt quá mức tối đa là: 100.000 đồng/tháng	80.000-90.000 đồng/tháng	Thu theo số tháng thực học của học sinh
7	Tiền quản lý, chăm sóc trẻ (học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính	Không vượt quá mức tối đa là: 6.000 đồng/ngày/ trẻ	6.000 đồng/ngày/ trẻ	Thu theo số ngày thực tế học
8	Tiền ăn	Xây dựng bảng thực	Xây dựng bảng thực	Thu theo

	bán trú	<p>đơn cụ thể và đảm bảo lượng chất dinh dưỡng cho từng độ tuổi, xây dựng kế hoạch thu, chi đảm bảo thu đủ chi và sự thống nhất thoả thuận tự nguyện, dân chủ và công khai giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để quy định mức ăn cụ thể bao gồm tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn; chất đốt ...)</p>	<p>đơn cụ thể và đảm bảo lượng chất dinh dưỡng cho từng độ tuổi, xây dựng kế hoạch thu, chi đảm bảo thu đủ chi và sự thống nhất thoả thuận tự nguyện, dân chủ và công khai giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để quy định mức ăn cụ thể (dự kiến là: 26.000đồng/ngày. Trẻ MG là: 01 bữa chính, 01 bữa phụ, Trẻ NT là: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; bao gồm tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn là: 24.500 đồng; chất đốt là: 1.500 đồng;)</p>	<p>ngày thực tế trẻ, học sinh ăn bán trú</p>
9	<p>Đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú nhà trẻ, mẫu giáo và các cấp học mua mới, mua bổ sung (chăn, gỏi, đệm, giát</p>		<p>Nhà trường thoả thuận với cha mẹ học sinh để thực hiện theo nguyên tắc thu đủ chi (dự kiến là: khoảng 300.000 đồng/trẻ (học sinh) lần đầu tham gia ăn bán trú.</p>	<p>Thực hiện theo năm học, thu thực tế theo trẻ (học sinh) lần đầu nhập học tại trường có tham gia ăn bán trú</p>

	giường, tiền mua dụng cụ nhà bếp ăn bán trú...)			
--	---	--	--	--

II. Dự kiến mức thu năm học 2024-2025 và 2025-2026

Tương tự các đầu mục, nội dung, mức thu như năm học 2023-2024. Khi có sự thay đổi, phát sinh (về đầu mục, nội dung, mức thu) so với năm học trước liền kề theo các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, nhà trường sẽ cập nhật kịp thời, thông báo tới cha mẹ học sinh về những khoản bắt buộc phải đóng góp theo nghĩa vụ, thực hiện việc xây dựng dự toán thu chi để thỏa thuận với cha mẹ học sinh về các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, báo cáo cấp có thẩm quyền, thống nhất tổ chức thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích sau khi được cấp có thẩm quyền có ý kiến, phê duyệt.

Dự kiến các khoản dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục như sau:

TT	Tên khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Mức thu dự kiến năm học 2024-2025	Mức thu dự kiến năm học 2025-2026	Ghi chú
1	Tiền trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe máy	Xe đạp: 10.000 đồng/tháng Xe đạp điện: 20.000 đồng/tháng Xe máy: 30.000 đồng/tháng	Xe đạp: 10.000 đồng/tháng Xe đạp điện: 20.000 đồng/tháng Xe máy: 30.000 đồng/tháng	Thu 10 tháng /01 năm học(thu theo số tháng thực học)
2	Tiền nước uống học sinh	8.000 đồng/tháng	8.000 đồng/tháng	Thu 10 tháng /01 năm học(thu theo số tháng thực học)
3	Chăm sóc trẻ ngày thứ bảy và trong thời gian nghỉ hè	25.000 đồng/ngày	25.000 đồng/ngày	Thu theo số ngày chăm sóc
4	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	17.000 đồng/tháng	17.000 đồng/tháng	Thu 10 tháng /01 năm học(thu theo số tháng thực học)

TT	Tên khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Mức thu dự kiến năm học 2024-2025	Mức thu dự kiến năm học 2025-2026	Ghi chú
5	Tiền trả công thuê người nấu ăn bán trú	80.000-90.000 đồng/tháng	80.000-90.000 đồng/tháng	Thu theo số tháng thực học của học sinh
6	Dịch vụ quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính	6.000 đồng/ngày/trẻ	6.000 đồng/ngày/trẻ	Thu theo số ngày thực tế học
7	Tiền ăn bán trú	<p>Xây dựng bảng thực đơn cụ thể và đảm bảo lượng chất dinh dưỡng cho từng độ tuổi, xây dựng kế hoạch thu, chi đảm bảo thu đủ chi và sự thống nhất thoả thuận tự nguyện, dân chủ và công khai giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để quy định mức ăn cụ thể (dự kiến là: 26.000đồng/ngày. Trẻ MG là: 01 bữa chính, 01 bữa phụ, Trẻ NT là: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; bao gồm tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn là:</p>	<p>Xây dựng bảng thực đơn cụ thể và đảm bảo lượng chất dinh dưỡng cho từng độ tuổi, xây dựng kế hoạch thu, chi đảm bảo thu đủ chi và sự thống nhất thoả thuận tự nguyện, dân chủ và công khai giữa nhà trường với cha mẹ học sinh để quy định mức ăn cụ thể (dự kiến là: 26.000đồng/ngày. Trẻ MG là: 01 bữa chính, 01 bữa phụ, Trẻ NT là: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; bao gồm tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn là:</p>	Thu theo ngày thực tế trẻ, học sinh ăn bán trú

TT	Tên khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Mức thu dự kiến năm học 2024-2025	Mức thu dự kiến năm học 2025-2026	Ghi chú
		24.500 đồng; chất đốt là: 1.500 đồng;)	24.500 đồng; chất đốt là: 1.500 đồng;)	
8	Đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú nhà trẻ, mẫu giáo và các cấp học mua mới, mua bổ sung (chăn, gối, đệm, giát giường, tiền mua dụng cụ nhà bếp ăn bán trú...)		Nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh để thực hiện theo nguyên tắc thu đủ chi (dự kiến là: khoảng 300.000 đồng/trẻ (học sinh) lần đầu tham gia ăn bán trú.	Thực hiện theo năm học, thu thực tế theo trẻ (học sinh) lần đầu nhập học tại trường có tham gia ăn bán trú

TP. Nam Định, ngày 25 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Thu Thủy